TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 21/11/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoài Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Lê Đức Dũng.
  2. Ông Trương Văn Hòa.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2019/LTST- HNGĐ ngày 01/7/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 93/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà V T M L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ 8, tổ dân phố 5, thị trấn A, huyện A , tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông T Q T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

1. Ông T H.

2. Bà Đ S.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai

(Bà Linh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Tài, ông Hàm, bà Sen vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/5/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà V T M L trình bày: Bà và ông T Q T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu chung sống và đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn ông bà ở trọ tại thành phố Hồ Chí Minh làm công

nhân, khi sinh con thì bà về huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống, đầu năm 2018 ông T có về tỉnh Thừa Thiên Huế sống với bà nhưng được một thời gian hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông Tài trở về thành phố Hồ Chí Minh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T khi uống rượu lại kiếm lý do gây gổ với bà, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc. Ông bà ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, trong thời gian ông bà ly thân không ai quan tâm nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống, ông bà có 01 người con chung: Cháu T N, sinh ngày 20/10/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông Tài phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay có có đủ khả năng để nuôi cháu Nhân mà không cần ông Tài cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông T Q T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Tại bản tường trình ngày 16/09/2019 ông V T và bà Huỳnh Thị Hương là bố, mẹ ruột của bà V T M L cho rằng: Bà L và ông T trong quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T uống rượu về gây gổ với bà L, thời gian bà L sinh con về sống với ông bà tại tỉnh Thừa Thiên Huế ông Tài có lên thăm con vài lần sau đó vợ chồng cãi nhau nên ông Tài về thành phố Hồ Chí Minh sống. Ông T và bà L đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Việc bà L xin ly hôn với ông T ông, bà đồng ý vì thấy bà L sống không hạnh phúc.

Ngày 15/9/2019 Tòa án tiến hành lấy lời khai của người làm chứng ông T H và bà Đ S là bố mẹ ruột của ông T Q T: Sau khi kết hôn ông T và bà L về sống bên gia đình vợ, đến năm 2018 ông T về sống với ông bà tại xã T, huyện C nguyên nhân theo như ông, bà nghe ông T nói là do ở quê của bà L không có điều kiện phát triển kinh tế, thu nhập không đủ sống nên ông về quê để phụ giúp gia đình. Thời gian đầu ông T có gửi tiền cho bà L để chăm lo cho con, còn thời gian sau này thì ông bà không rõ. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T ông bà không có ý kiến vì đó là việc riêng của gia đình ông T, bà L.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); các bản tự khai; biên bản lấy lời khai đương sự, người làm chứng, biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhập yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Giao cháu T N, sinh ngày 20/10/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà L chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà V T M L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông T Q T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V T M L và ông T Q T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo bà Linh thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Tài không chăm lo cho vợ con, nhậu nhẹt về kiếm lý do gây gổ bà, dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc, nên bà muốn lý hôn với ông Tài. Lời khai của ông V T, bà H H, ông T H và bà Đ S cũng xác định ông T và bà L có mâu thuẫn trong thời gian sống chung và đã sống ly thân. Ông T đã được triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ ông T không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ để chấp nhập yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà V T M L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T N, sinh ngày 20/10/2017, bà cũng xác định đủ điều kiện nuôi con mà không cần ông T cấp dưỡng nuôi con, đây là yêu cầu tự nguyện của bà, ông T cũng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến về những yêu cầu của bà L, theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết không phải chứng minh, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có lời khai về việc này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà V T M L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà V T M L. Bà V T M L được ly hôn ông T Q T.

2. Về con chung: Giao cháu T N, sinh ngày 20/10/2017 cho bà V T M L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông T Q T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T Q T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà V T M L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V T M L đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 004956 ngày 01/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UNBD xã T
(GCNKH số:50/2017)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo